



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Thành Nam

Ngày 30/06/2025	2,230 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.5%	-2.6%	-3.5%

DT thuần Q2/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▼96.0 -45.9%
YoY: ▼111 -49.5%

LN thuần Q2/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.8 301%
YoY: ▲ 8.06 332%

LN sau thuế Q2/25
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.8 294%
YoY: ▲ 10.3 11404%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
9.2%
YoY: +/-▲ 10.1%

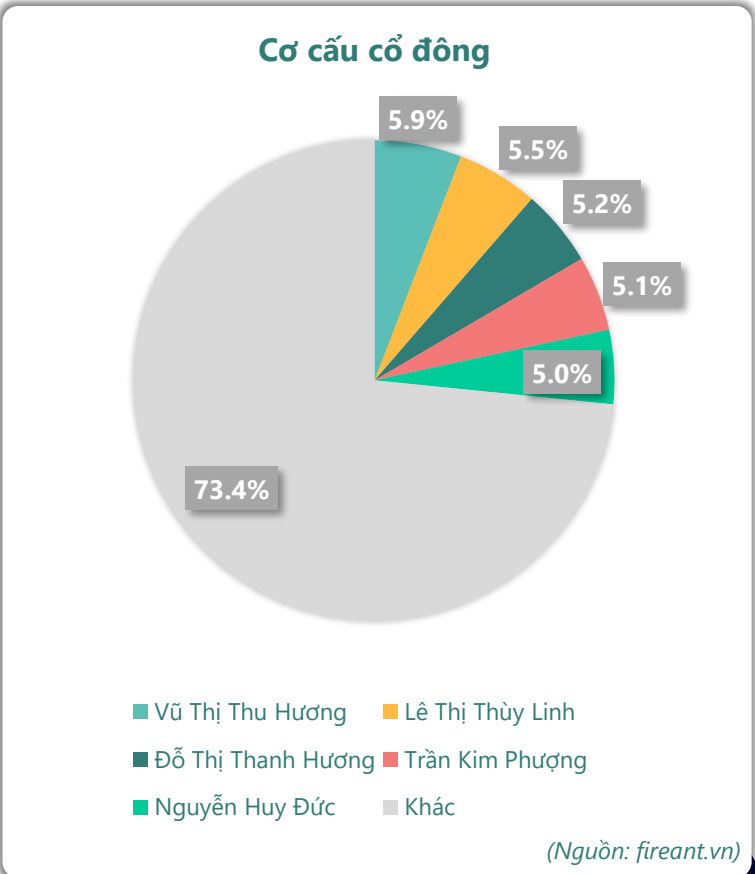
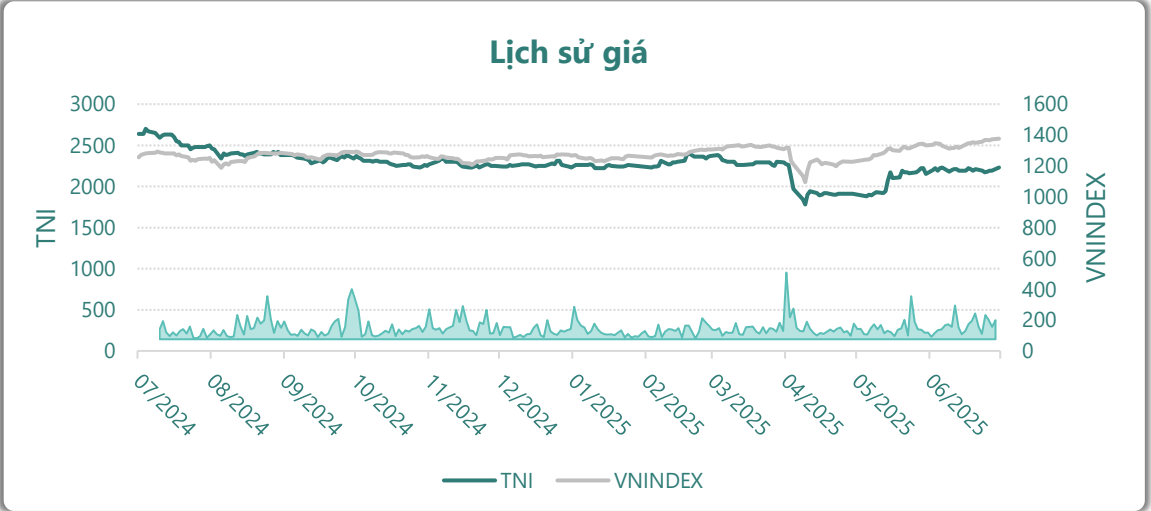
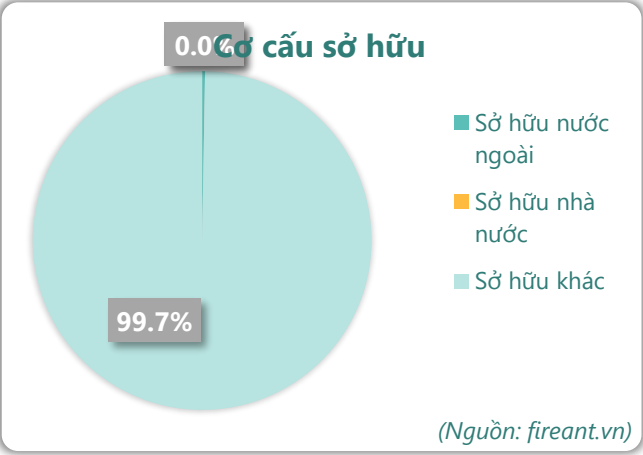
ROE (TTM) Q2/25
-2.0%
YoY: +/-▲ 2.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,780 - 2,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	117
Số lượng CPLH (CP)	52,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	56,665
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.91
EPS	-200
P/E	-11.1

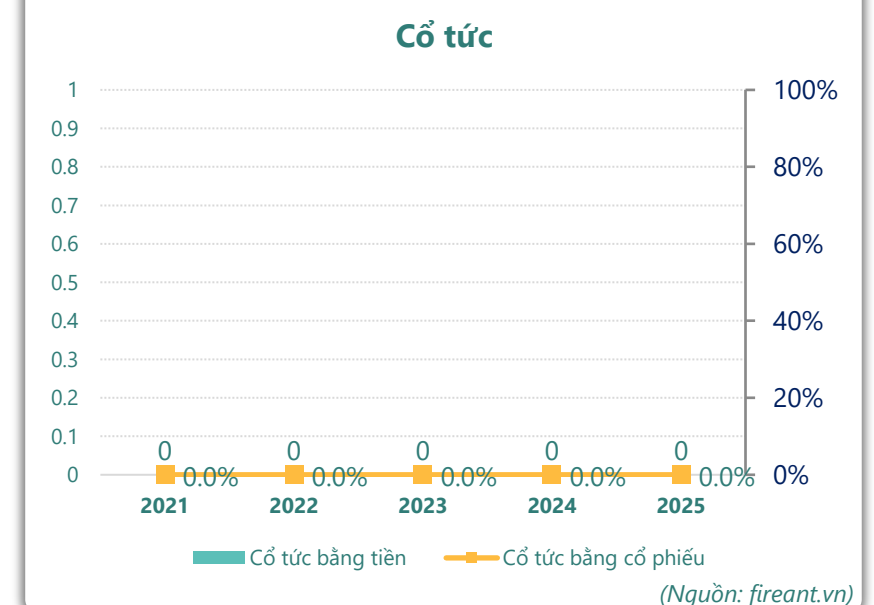
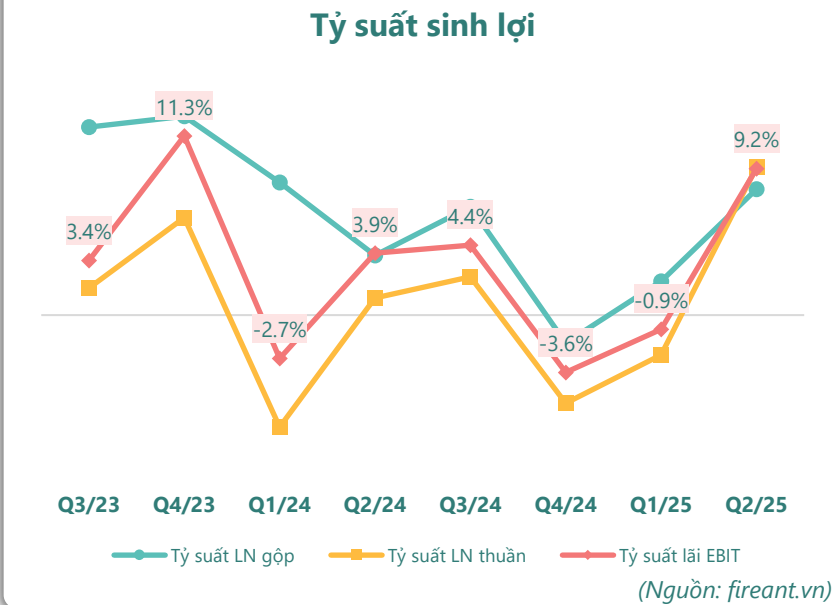
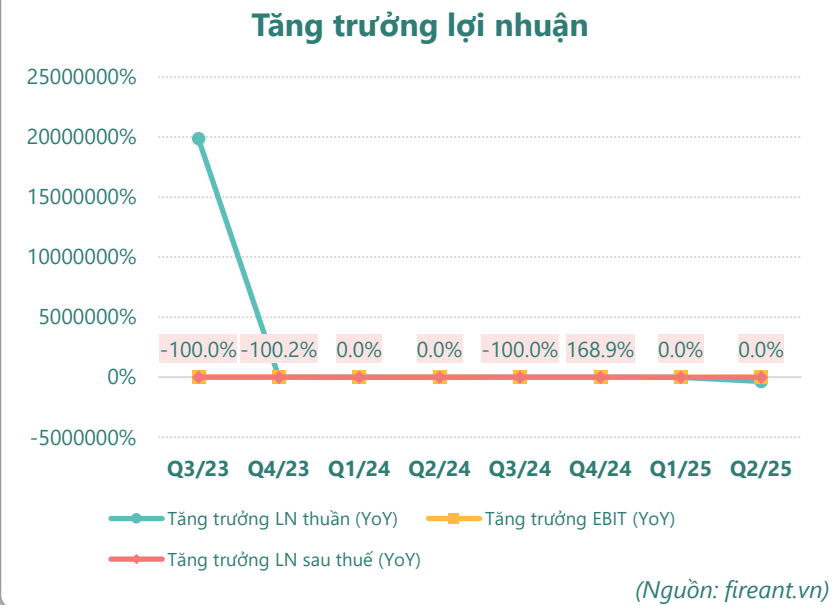
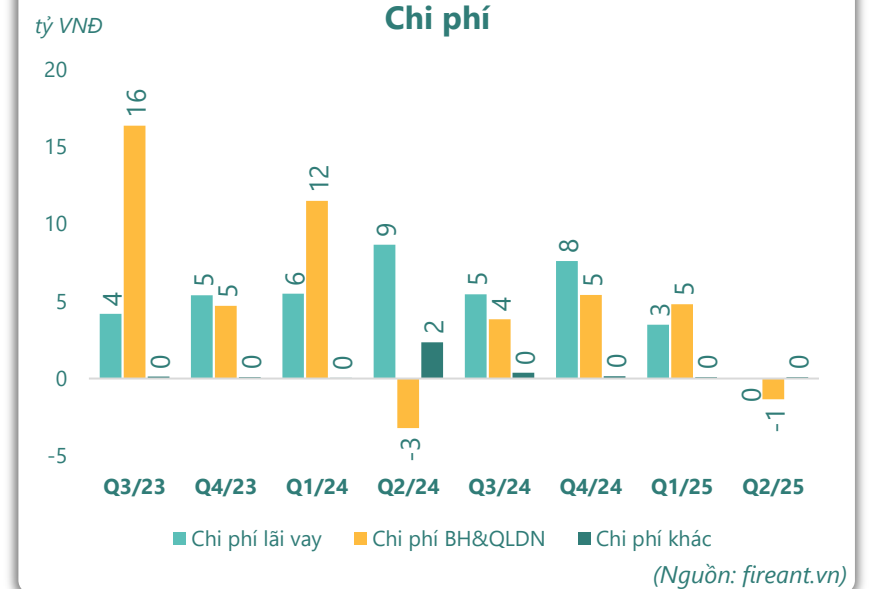
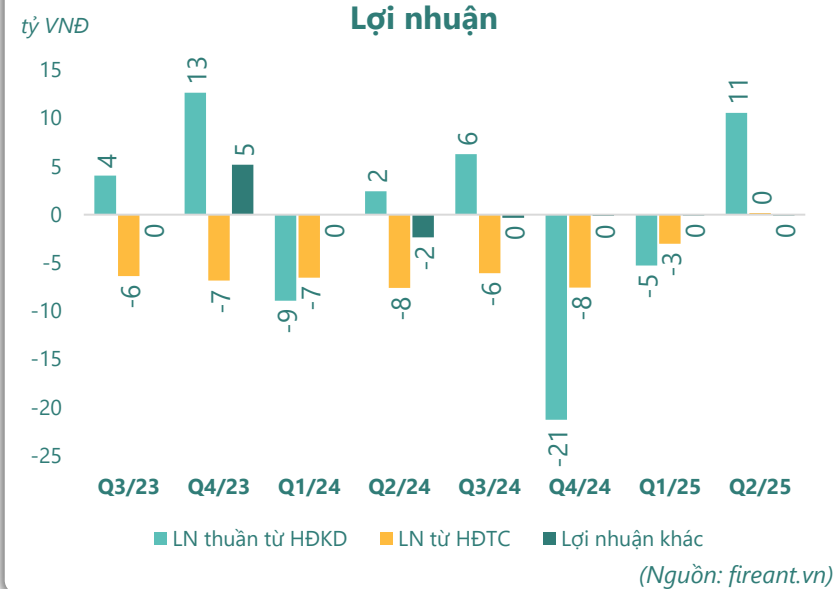
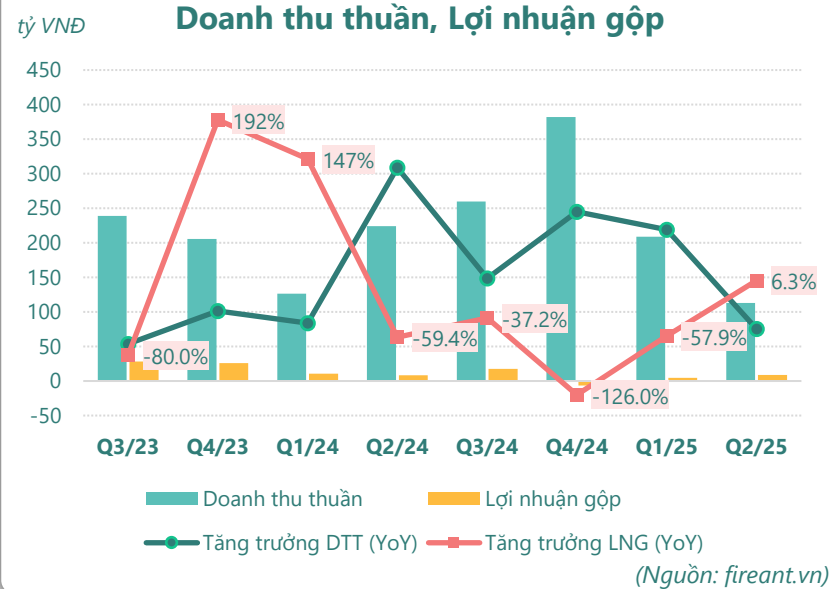
DT thuần 6T 2025
322
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0 -8.2%

LN thuần 6T 2025
5.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.8 182%

LN sau thuế 6T 2025
5.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.9 156%



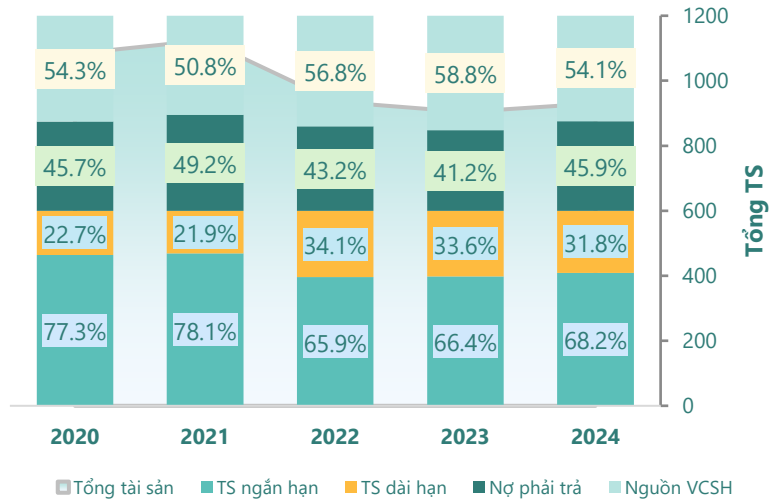
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

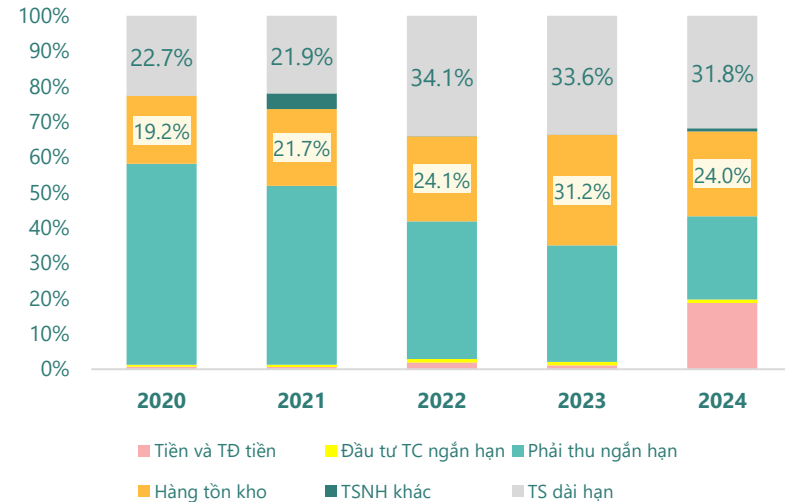
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

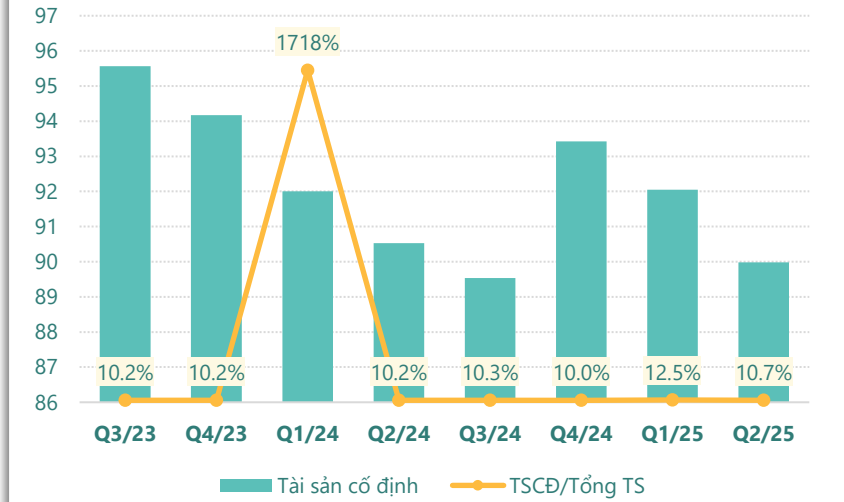
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

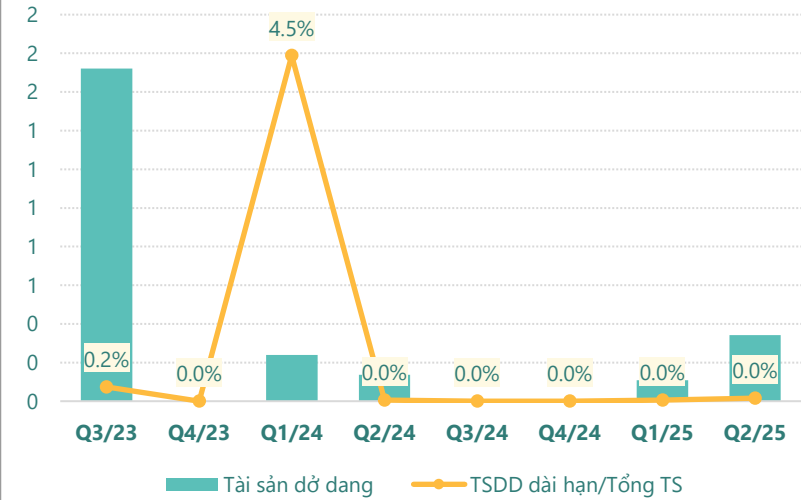
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

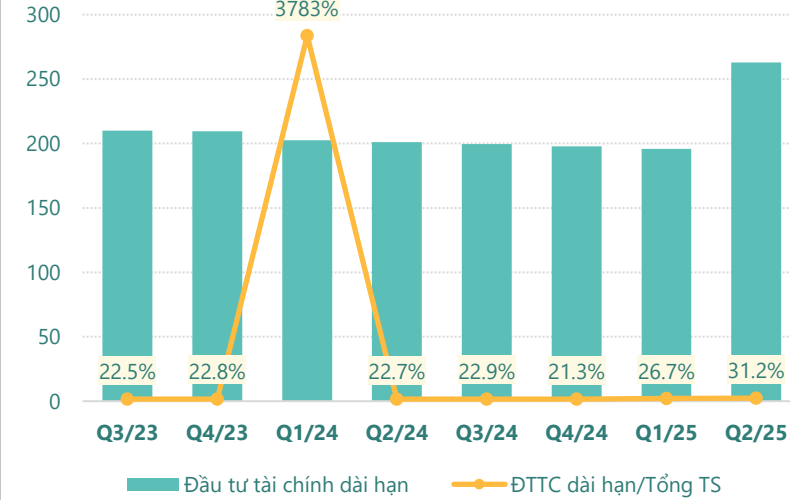
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

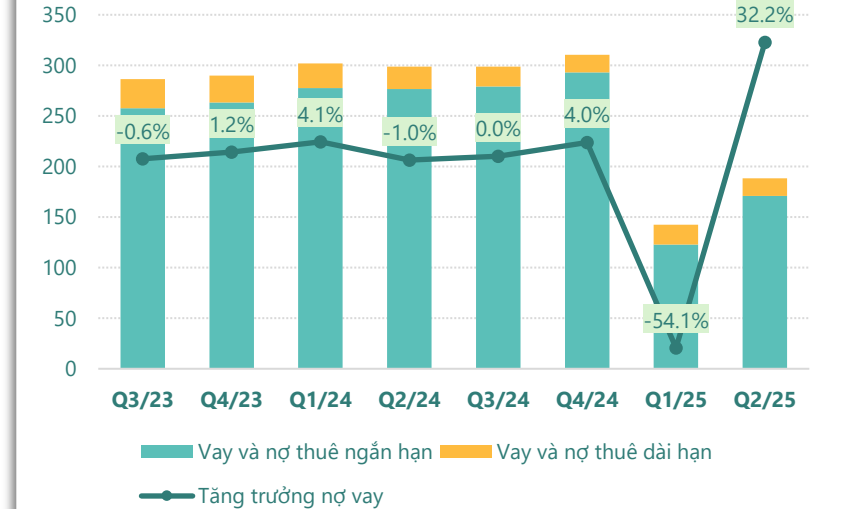
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

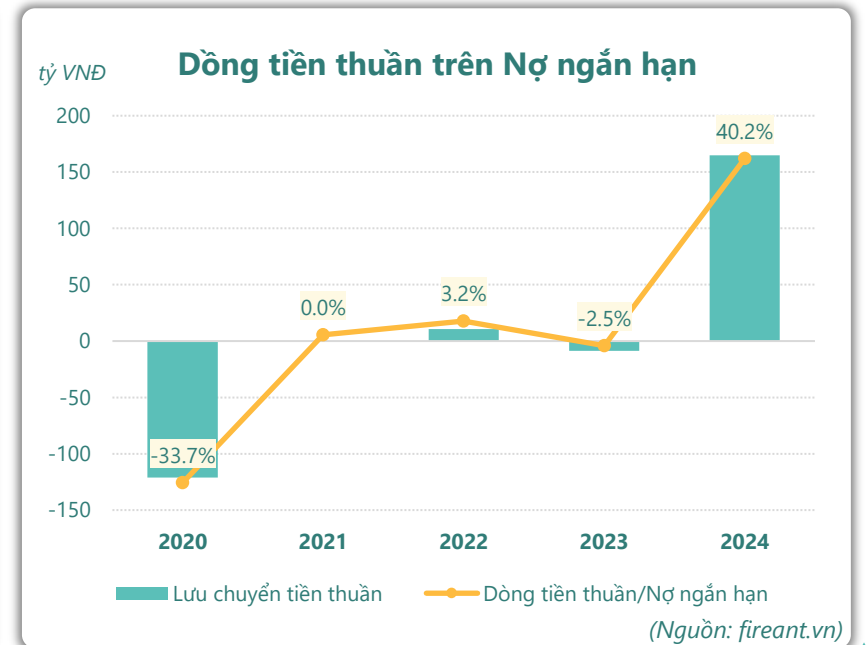
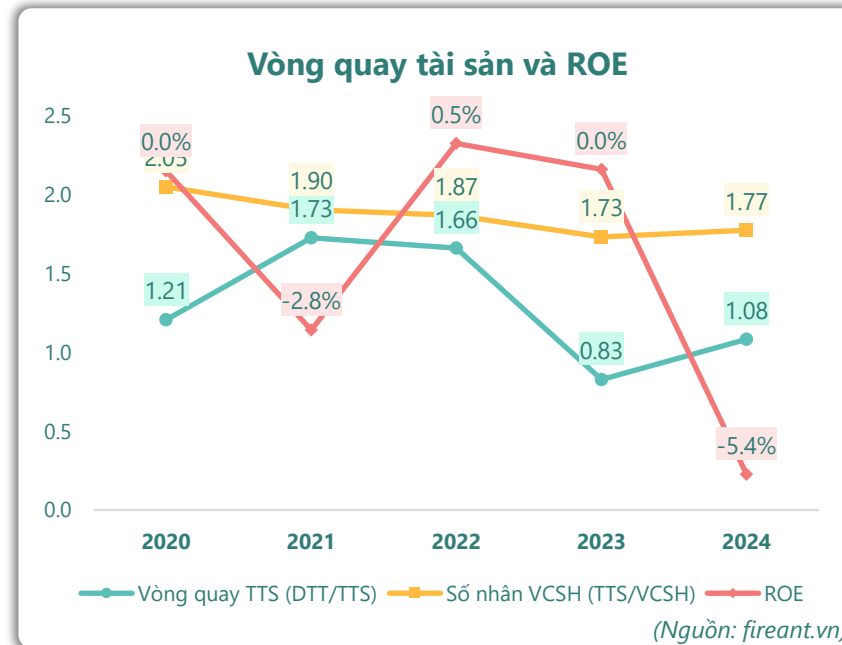
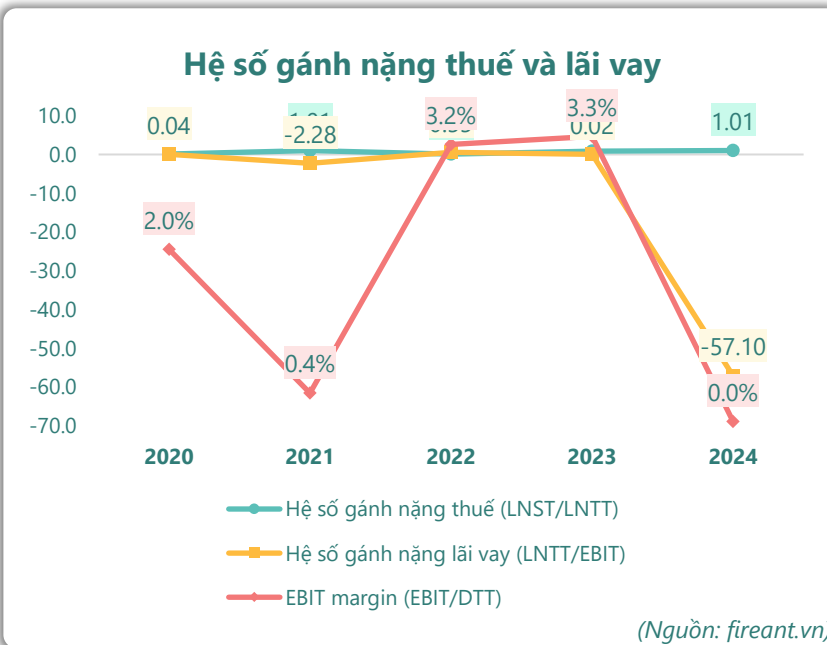
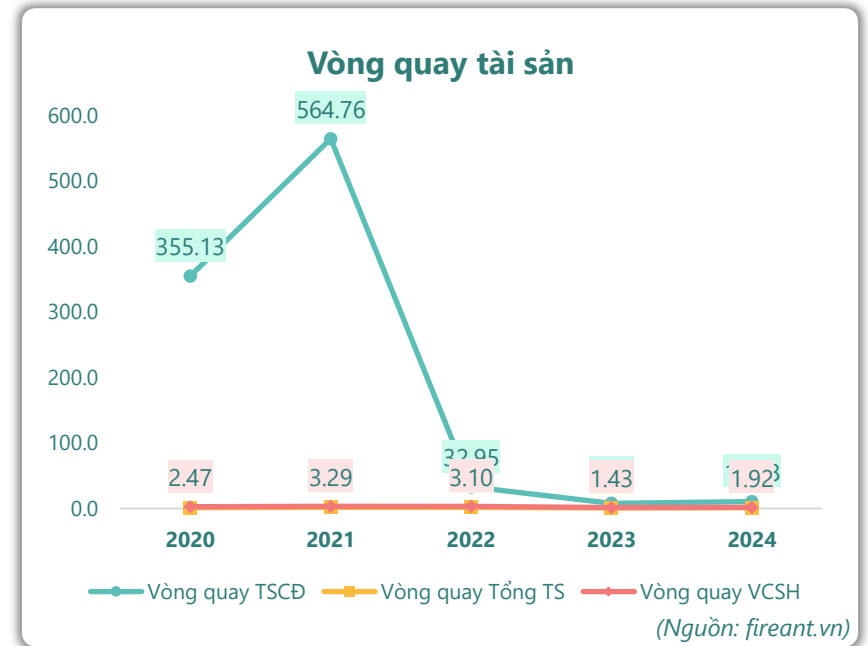
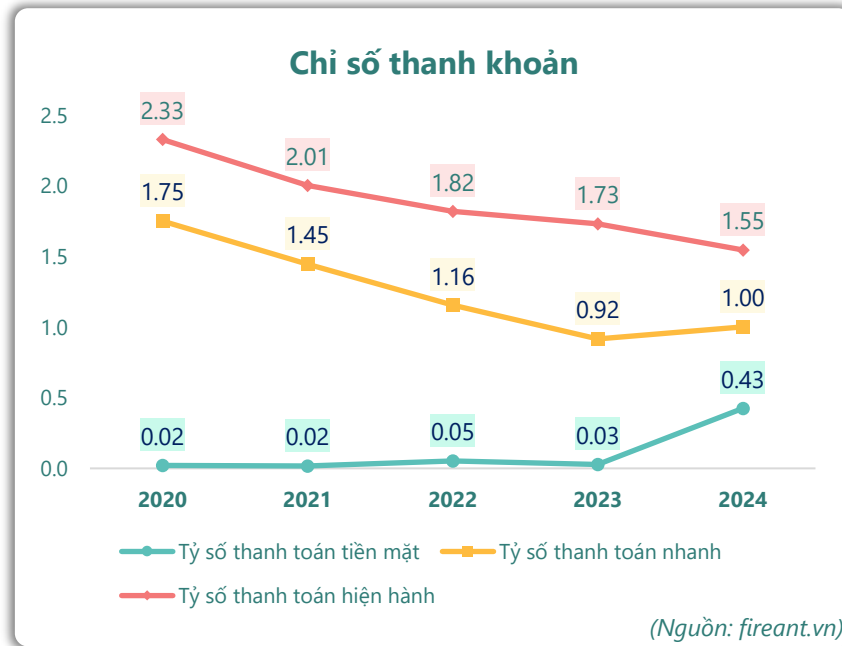
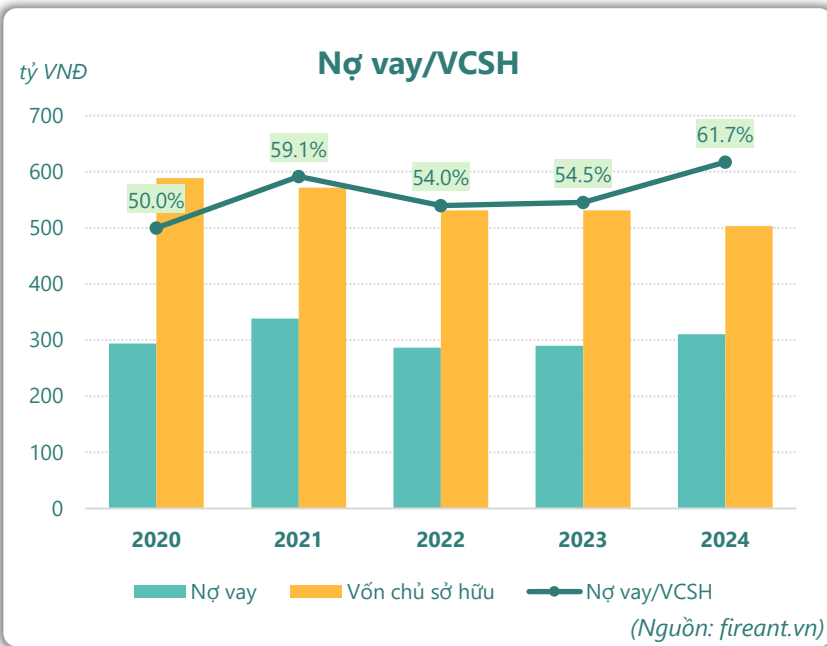
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	113	224	-49.5%	322	351	-8.2%
Giá vốn hàng bán	104	216	-51.8%	309	332	-7.0%
Lợi nhuận gộp	8.98	8.44	6.3%	13.4	19.0	-29.4%
Doanh thu HĐTC	0.18	0.14	26.7%	0.66	0.27	144%
Chi phí TC	0.02	7.73	-99.7%	3.51	14.4	-75.6%
Chi phí lãi vay	-0.02	8.67	-100%	3.47	14.2	-75.5%
LN trong công ty LKLD	0.06	-1.64	104%	-1.82	-3.09	41.1%
Chi phí bán hàng	-0.19	1.47	-113%	1.10	3.32	-66.8%
Chi phí QLDN	-1.16	-4.69	75.3%	2.36	4.97	-52.5%
LN thuần từ HĐKD	10.5	2.44	332%	5.29	-6.48	182%
Lợi nhuận khác	-0.08	-2.35	96.4%	-0.17	-2.39	92.8%
LN trước thuế	10.5	0.09	11527%	5.12	-8.87	158%
Lợi nhuận sau thuế	10.4	0.09	11404%	5.00	-8.87	156%
LNST của CĐ cty mẹ	10.2	-0.02	51350%	4.93	-9.04	155%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.6	12.6	-2.27	158	3.96	38.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	-0.99	0.53	-172	-0.47	-68.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.9	-3.16	0.12	11.8	-168	41.4
Tiền đầu kỳ	9.51	1.83	10.3	8.71	174	9.73
Lưu chuyển tiền thuần	-7.68	8.47	-1.62	-1.41	-165	11.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.04	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	1.83	10.3	8.71	7.30	9.73	21.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	844	931	-9.3%
Tài sản ngắn hạn	486	634	-23.4%
Tiền và tương đương tiền	21.1	174	-87.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.17	9.01	1.8%
Phải thu ngắn hạn	173	219	-21.4%
Hàng tồn kho	274	223	22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	8.71	8.36	4.1%
Tài sản dài hạn	358	296	20.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	90.0	93.4	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.34	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	263	198	32.9%
Tài sản dài hạn khác	0.29	0.27	8.9%
Lợi thế thương mại	4.58	4.89	-6.3%
Nợ phải trả	342	427	-20.1%
Nợ ngắn hạn	324	410	-21.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	171	293	-41.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	105	93.1	13.1%
Nợ dài hạn	17.8	17.7	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.4	17.5	-0.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	502	503	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	502	503	-0.2%
Vốn điều lệ	525	525	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

